

Bản án số: 464/2023/HS-PT

Ngày: 26/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường**

ông **Đình Phước Hoà**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đoàn Minh Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 411/2023/TLPT-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn C và các bị cáo khác về tội “*Giết người*”, “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSCTN-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn C (tên gọi khác: Bé), sinh năm 1993, tại Bình Định; nơi cư trú: khu phố V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1969; có vợ là Nguyễn Thị Thanh S, sinh năm 1994 và 01 con;

Tiền án: ngày 29/7/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tuyên phạt 07 năm 09 tháng tù giam tù giam về các tội “*Cướp tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/4/2018; tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 16/11/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”;

Bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/12/2021 đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992, tại Bình Định; nơi cư trú: khu phố V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn sinh năm 1970 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1969; có vợ là Đoàn Thị Mỹ Th, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/4/2022 đến ngày 25/9/2022 được bảo lãnh cho tại ngoại;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2023 cho đến nay, có mặt.

3. Lê Phi C1, sinh năm 1992, tại Bình Định; nơi cư trú: khu phố Vân Hội 2, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quý B1, sinh năm 1968 và bà Hồ Thị Nh, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 08/01/2007, bị Công an huyện T bắt đưa vào trường giáo dưỡng tại Đà Nẵng. Chấp hành xong ngày 01/9/2008;

+ Ngày 09/5/2011, bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong ngày 05/02/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/4/2022 đến ngày 27/7/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Lê Trường G, sinh năm 1990, tại Bình Định; nơi cư trú: khu phố Vân Hội 2, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê Quý B, sinh năm 1965 và bà Hồ Thị Mỹ L, sinh năm 1966; có vợ là Trần Thị Bích T, sinh năm 1991 và 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 25/01/2010, bị UBND tỉnh Bình Định xử lý vi phạm hành chính áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục theo Quyết định số 170/QĐ-CTUBND. Ngày 30/12/2013 chấp hành xong;

+ Ngày 27/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/4/2022 đến ngày 25/9/2022 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C*: Luật sư Nguyễn Thanh H – Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ*: Luật sư Trương Quốc D – Văn phòng Luật sư Bình Định thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị

nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C làm quản lý các tiếp viên nữ để phục vụ cho các quán karaoke, nhà hàng. C sử dụng Võ Ngọc H1 và Trần Q1, cho ăn ở tại nhà của mình và chịu trách nhiệm trông coi đưa đón tiếp viên nữ đi làm. Để đề phòng xảy ra tranh chấp với những đối tượng hành nghề như mình nên từ khoảng giữa năm 2020 đến tháng 11/2020, Nguyễn Văn C lên mạng xã hội facebook làm quen và đặt mua của Trần Bá N1 (đang tạm trú tại thành phố Hồ Chí Minh) 02 khẩu súng, gồm: 01 khẩu súng bắn đạn cao su cùng 100 viên đạn và 01 khẩu súng hoa cải cùng với 05 viên đạn.

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 02/12/2020, sau khi dự đám cưới, Nguyễn Văn C, Đoàn Thanh K, Lê Thanh Ph, Lê Văn Tự S, Võ Ngọc H1 và Trần Q1 về lại nhà của C ở khu phố V, TT. D, huyện T, tỉnh Bình Định, lúc này Nguyễn Văn Đ (anh ruột của C) cũng có mặt ở nhà C. Tại đây, Võ Ngọc H1 kể lại sự việc trước đó bị Trương Văn Đ2 (Tý heo) dùng tay đánh H1, nên C gọi điện thoại cho Đ2 và thách thức đánh nhau tại nhà của C.

Sau khi gọi điện thoại thì Nguyễn Văn C thông báo lại cho Lê Thanh Ph, Đoàn Thanh K, Võ Ngọc H1, Trần Q1, Lê Văn Tự S, Nguyễn Văn Đ biết việc nhóm Th1, Đ2, Lê Trường G sẽ tìm đến đánh nhau với mình. C nói Ngọc H1 và Q1 đến chuồng gà trước nhà lấy 01 bao bên trong có chứa hung khí như: phảng tự chế, tuýp sắt để chuẩn bị đánh nhau. Còn C vào trong phòng ngủ lấy ra 02 khẩu súng, đưa khẩu súng bắn đạn hoa cải, có đạn sẵn bên trong dài khoảng 30cm cho H1 và đưa khẩu súng bắn đạn cao su cho Q1 rồi dặn “*súng có đạn, có gì cứ bóp cò*”; riêng Phi đem 01 két vỏ chai bia Quy Nhơn để sẵn tại khu vực cổng nhà C. Q1 cầm súng leo lên mái chuồng gà ở đối diện nhà C, số còn lại đứng trong sân, trước cổng nhà C đợi nhóm của Th1 đến để đánh nhau. S lấy điện thoại gọi cho Trần Quốc D nói lại việc chuẩn bị đánh nhau với nhóm Th1 tại nhà của C, trong đó có G nên D một mình điều khiển xe máy đến đứng trước nhà C. Những người có mặt tại nhà C tự lấy phảng và tuýp sắt chuẩn bị để đánh nhau với nhóm của Th1.

Sau khi nhận được điện thoại của C, Đ2 nói lại sự việc cho Phạm Thông Th1, Lê Trường G, Lê Phi C1 và Trần Quốc H1 nghe và Th1 rủ tất cả cùng đi đến nhà C để đánh nhau và gọi điện cho Bùi Trung H2 rủ H2 đến giúp Th1 đi đánh nhau. H2 đồng ý và điều khiển xe mô tô Sirius mang theo một cây ba trắc để đi đánh nhau. Th1 nói với cả nhóm đang nhậu tại nhà G là “Gom đồ đi xuống nhà nó”. Lúc này, C1 ra sau nhà lấy 02 con dao chặt thịt; G lấy 01 tấm bản đồ mang vào tay và 01 cây dao mang theo, Đ2 cầm 01 cây ba khúc bằng sắt. Sau khi chuẩn bị hung khí, Th1 sử dụng xe mô tô Suzuki màu trắng xanh gắn biển số 77M1-4290 của Th1 (chiếc xe này Th1 mua lại của một người không rõ lai lịch về sử dụng) chở C1 ngồi giữa, Đ2 ngồi sau đi trước; H1 sử dụng xe Sirius màu

đỏ đen của H1 chở G đi sau. Trên đường đi cả nhóm gặp H2 rồi cùng kéo đến nhà của C để đánh nhau.

Khi nhóm Th1, G, C1, Đ2, Quốc H1 và H2 đến đường ND, đoạn giáp với đường bê tông rẽ vào nhà của C và cách nhà 90m thì cả nhóm nẹt pô xe và la ó gây ồn ào rồi dừng xe đi bộ vào. C1 đi trước, tiếp theo là Th1, Đ2, G và H1. Khi cách nhà C khoảng 20m thì nhóm Th1 lấy đá ném về nhóm của C. D bỏ xe máy và chạy bộ về hướng trường mẫu giáo cách đó khoảng 40m, riêng nhóm của C lúc này sử dụng vỏ chai bia ném về nhóm Th1. Sau khi ném hết vỏ chai bia thì nhóm C rút vào sân và kéo cổng lại. Nhóm của Th1 cầm hung khí xông lên đứng trước cổng nhà C. Thấy vậy, Trần Q1 dùng súng bắn đạn cao su bắn lên trời một phát; Võ Ngọc H1 đứng trong sân nhà C dùng súng hoa cải bắn một phát về phía nhóm của Th1, làm C1 bị thương ở vùng ngực, cổ, mặt nên C1 cùng cả nhóm bỏ chạy ra đầu đường. Lúc này, G dìu C1 ra ngã ba để Th1 lấy xe gắn máy chở đi bệnh viện thì nhóm C mở cổng cầm hung khí đuổi theo. C một mình lên xe ô tô 7 chỗ XPANDER hiệu MITSUBISHI gắn biển số 77A-159.39 đang đậu trước nhà (xe do C thuê trước đó của Lê Văn Tr, sinh năm 1992 trú khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định để sử dụng vào mục đích cá nhân) chạy đuổi theo nhóm của Th1 ra đường ND. D biết nhóm Th1 bỏ chạy nên quay lại trước nhà C lấy phảng và cùng với Phi, K, S, Đ cầm hung khí chạy theo sau xe ô tô của C, đuổi theo nhóm của Th1 và G ra đường ND nhưng không đánh được ai. Khi Th1 chở C1 ngồi sau đi được 40m đến đoạn trước cổng sân vận động thì C1 đang ngồi trên xe phía sau tự ngã xuống đường làm xe máy ngã theo bên cạnh nên Th1 bỏ xe chạy bộ. C thấy C1 ngã nhưng không tông vào người C1 mà tông vào đuôi của xe máy. Lúc này thấy nhóm G, Đ2, H2 đang đứng sát vách tường sân vận động D gần đó nên C điều khiển xe lùi lại rồi lao đến. G, H2 nhảy tránh sang một bên thì xe ô tô do C điều khiển tông trúng vào trực trước bên trái xe ô tô tải biển số 77C-079.49 của ông Ngô Văn Q đang đậu sát vách tường sân vận động. Đ2 đứng gần đó và bị gương chiếu hậu bên phải va trúng người nên cầm cây sắt đập vào bên hông xe của C điều khiển. Sau khi tông vào ô tô tải, C hạ cửa kính xe ô tô nói *“hôm nay tao tông chết mẹ tụi bay luôn”* rồi lùi xe lại và lái xe đi về hướng QL1A và sau đó quay về nhà. Sau khi C bỏ đi, G gọi gia đình C1 đến và tham gia đưa C1 đi bệnh viện cấp cứu.

Nhóm C sau đó tập trung về nhà C gom cất giấu hung khí. Riêng Võ Ngọc H1 và Trần Q1 khai nhận đưa lại các khẩu súng cho Nguyễn Văn C, Tuy nhiên, C không thừa nhận việc này nên không có cơ sở truy tìm.

Hậu quả:

- Lê Phi C1 nhập viện với tình trạng thương tích: Đa chấn thương do hỏa khí vùng đầu, mặt, ngực. Tổn thương phế nang rải rác hai phổi- Tràn dịch- Nhiều nốt đậm độ cao dạng dị vật kim khí vùng ngực hai bên. Đã phẫu thuật các vết thương. Tại bản Kết luận giám định số 302/2021/PY-TgT ngày 09/12/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Phi C1 tại thời điểm giám định là 19 %.

- Bùi Trung H2, Trương Văn Đ2 bị xe ô tô biển số 77A- 159.39 do C điều khiển va trúng vùng trước ngực, nhưng từ chối giám định, không có yêu cầu xử lý C về hành vi điều khiển xe ô tô va quệt trúng mình.

- Xe ô tô 77A- 159.39 của anh Lê Văn Tr (cho C thuê) do C điều khiển va quệt làm hư hỏng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 29 ngày 19/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận tổng giá trị thiệt hại 137.000.000đ.

- Xe mô tô biển số 77M1-4290 do Phạm Thông Th1 điều khiển do C tông làm hư hỏng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 178 ngày 16/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T kết luận tổng giá trị thiệt hại 750.000đ.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSC TN-ST ngày 24/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ phạm tội “Giết người”; các bị cáo Lê Phi C1, Lê Trường G phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 56, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”. Tổng hợp hình phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2022/HSST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 02/12/2021).

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 07/02/2023). Được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2022 đến ngày 25/9/2022.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lê Phi C1 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2022 đến ngày 27/7/2022.

- Xử phạt bị cáo Lê Trường G 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ với thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2022 đến ngày 25/9/2022.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với 09 bị cáo khác, quyết định xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí hình sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 03/8/2023, bị cáo Lê Trường G có Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 36 tháng tù là

nặng vì bị cáo chỉ là người bị lôi kéo, rủ rê; bị cáo không trực tiếp cùng với nhóm của Th1 đến nhà C để đánh nhau; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, là lao động chính trong gia đình; bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình;

- Ngày 04/8/2023, bị cáo Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 8 năm tù là nặng; bị cáo Lê Phi C1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 30 tháng tù là nặng, bị cáo chỉ là người bị rủ rê, lôi kéo, đã nhận thức được hành vi của mình là sai, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, là lao động chính trong gia đình; bản thân bị cáo cũng là bị hại hiện còn nhiều mảnh đạn trong người nên sức khỏe rất yếu;

- Ngày 07/8/2023, bị cáo Nguyễn Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 12 năm tù là nặng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.]. Trong các ngày từ 03/8 đến 07/8/2023, các bị cáo Lê Trường G, Nguyễn Văn Đ, Lê Phi C1 và Nguyễn Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Các bị cáo giữ nguyên các nội dung kháng cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C, Luật sư Nguyễn Thanh H trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (BLHS) cho bị cáo; trong vụ án này người bị hại có lỗi khi có hành vi vi phạm pháp luật chuẩn bị hung khí kéo tới nhà bị cáo C gây sự trước để từ đó giảm cho bị cáo Nguyễn Văn C một phần hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ, Luật sư Trương Quốc D trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc đến nguyên nhân xảy ra vụ án. Xuất phát từ nhóm Lê Phi C1 đến nhà Nguyễn Văn C mang theo hung khí và gây sự trước; Nguyễn Văn Đ hành động nhưng không có mục đích tước đoạt sinh mạng của C1; hành vi của Nguyễn Văn Đ chỉ phạm vào khoản 2 Điều 123 BLHS và không có tính chất côn đồ; bị cáo phạm tội chưa đạt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ là nhân thân tốt, vai trò thứ yếu, người bị hại có lỗi, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con còn nhỏ, vợ đã ly hôn; Toà sơ thẩm không áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo là thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển khung hình phạt đối với Nguyễn Văn Đ xuống khoản 2 Điều 123 BLHS và giảm hình phạt cho bị cáo, tuyên phạt bị cáo mức án từ 06 năm đến 07 năm tù.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn C và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Đối với Lê Phi C1 và Lê Trường G: tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo cung cấp tài liệu có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm cho Lê Phi C1 và Lê Trường G mỗi bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

[2.]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, lời bào chữa của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

[2.1]. Về tội danh:

[2.1.1]. Về tội “*Giết người*”:

Mặc dù Nguyễn Văn C không có mâu thuẫn với Trương Văn Đ2 (Tý heo) nhưng sau khi nghe Võ Ngọc H1 kể lại sự việc trước đó bị Đ2 đánh nên C gọi điện thoại cho Đ2 và thách thức đánh nhau tại nhà của C. Nhóm của C gồm Lê Thanh Ph, Đoàn Thanh K, Võ Ngọc H1, Trần Q1, Lê Văn Tự S, Nguyễn Văn Đ; C nói Ngọc H1 và Q1 đến chuồng gà trước nhà lấy 01 bao bên trong có chứa hung khí như: phang tự chế, tuýp sắt để chuẩn bị đánh nhau; Phi chuẩn bị 01 két vỏ chai bia. Còn C vào trong phòng ngủ lấy ra 02 khẩu súng, đưa khẩu súng bắn đạn hoa cải, có đạn sẵn bên trong cho H1 và đưa khẩu súng bắn đạn cao su cho Q1 rồi dặn “*súng có đạn, có gì cứ bóp cò*”; khi nhóm của Th1 đến nhà C thì nhóm của C dùng vỏ chai bia tấn công; Trần Q1 dùng súng bắn đạn cao su bắn lên trời một phát; Võ Ngọc H1 đứng trong sân nhà C dùng súng hoa cải bắn một phát trúng vào vùng đầu, cổ và mặt của Lê Phi C1, các bị cáo nhận thức được việc sử dụng súng tấn công trực diện vào đầu, cổ, mặt là những vùng trọng yếu của cơ thể có thể khiến bị hại chết, bị hại Lê Phi C1 không chết là do được cấp cứu kịp thời.

Với hành vi và hậu quả như trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ “*Giết người*” với tình tiết định khung “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1.2]. Về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”:

Đối với nhóm của Phạm Thông Th1: sau khi nhận điện thoại thách thức đánh nhau của C, Đ2 kể lại cho Th1 thì Th1 rủ Lê Trường G, Lê Phi C1, Trần Quốc H1, Bùi Trung H2 cùng đi đến nhà C đánh nhau thì cả bọn đồng ý; C1 chuẩn bị 02 con dao chặt thịt; G lấy 01 tấm bản đồ mang vào tay và 01 cây dao mang theo, Đ2 cầm 01 cây ba khúc bằng sắt, sau đó cả bọn điều khiển xe mô tô đến nhà C net pô, hô hào để đánh nhau với nhóm C làm ảnh hưởng xấu đến tình

hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Phi C1, Lê Trường G và các bị cáo khác tội “*Gây rối trật tự công cộng*” với tình tiết định khung là “*Dùng hung khí*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

[2.2.1]. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ bị xét xử về tội *Giết người* theo khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình; các bị cáo Lê Phi C1, Lê Trường G bị xét xử tội *Gây rối trật tự công cộng* theo khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ là đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo C có vai trò là người chủ mưu, cầm đầu, chuẩn bị hung khí cho các bị cáo khác để đánh nhau. Nguyễn Văn C là người rủ rê bị cáo Võ Ngọc H1 là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội (thời điểm H1 phạm tội mới 17 tuổi 5 tháng 08 ngày) nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có một tiền án về tội rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng điều đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*” nên cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội thời gian dài mới tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ dù không mâu thuẫn với nhóm người bên phía bị hại nhưng vẫn đồng ý tham gia giúp C đánh nhau. Bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng là người giúp sức về mặt tinh thần, rượt đuổi những người bên nhóm bị hại. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt thấp hơn bị cáo C là phù hợp, phân hóa vai trò tội phạm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Quá trình xét xử, bị cáo C và Đ đều thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo C 12 năm tù mức khởi điểm của khung hình phạt; xử phạt bị cáo Đ 08 năm tù là mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã xem xét cho các bị cáo, mức án trên là tương xứng, không nặng. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C và Đ.

[2.2.2]. Đối với các bị cáo Lê Trường G và Lê Phi C1:

Các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm là người thực hành tích cực, bị cáo C1 mang theo 02 con dao chặt thịt, G chuẩn bị 01 tấm bản đồ và 01 cây dao để thực hiện tội phạm, các bị cáo đều có nhân thân xấu nên cũng cần thiết phải có mức hình phạt đủ nghiêm để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo; trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò là như nhau, lẽ ra phải áp dụng mức hình phạt cho các bị cáo là ngang nhau nhưng xét thấy trong lúc tham gia đánh nhau, bị cáo C1 bị H1 dùng súng bắn bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 19%, hiện sức khỏe yếu do còn một số mảnh đạn trong người chưa được phẫu thuật lấy ra nên Tòa án cấp sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo C1 so với bị cáo G là phù hợp; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong việc thực hiện tội phạm, nhân thân các bị cáo; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Lê Trường G 36 tháng tù, xử phạt Lê Phi C1 30 tháng tù là tương xứng.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Lê Phi C1, Lê Trường G cung cấp tài liệu có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo G có con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình; Lê Phi C1 bị thương tích hiện vẫn chưa ổn định, vẫn còn một số mảnh đạn trong người chưa phẫu thuật; sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm cho Lê Phi C1 và Lê Trường G một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí theo quy định; các bị cáo Lê Phi C1 và Lê Trường G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSCNTN-ST ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần hình phạt đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 56, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C **12 (mười hai) năm tù** về tội “*Giết người*”. Tổng hợp hình phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2022/HSST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 02/12/2021).

1.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **08 (tám) năm tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 07/02/2023). Được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2022 đến ngày 25/9/2022.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Phi C1, Lê Trường G. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSCTN-ST ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần hình phạt đối với các bị cáo

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Phi C1 **24 (hai mươi bốn) tháng tù** về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2022 đến ngày 27/7/2022.

- Xử phạt bị cáo Lê Trường G **30 (ba mươi) tháng tù** về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ với thời gian bị cáo đã bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2022 đến ngày 25/9/2022.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm;

- Các bị cáo Lê Phi C1, Lê Trường G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HSCTN-ST ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đức Kiên